

Số: 02/2019/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 17 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Quy định giá tiêu thụ nước sạch của các đơn vị sản xuất, kinh doanh nước sạch trên địa bàn huyện Kim Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNN ngày 15 tháng 5 năm 2012 của Liên bộ Bộ Tài chính- Bộ Xây dựng- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 88/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định giá tiêu thụ nước sạch của các đơn vị sản xuất, kinh doanh nước sạch trên địa bàn huyện Kim Thành như sau:

1. Hợp tác xã dịch vụ sửa chữa và vận tải hàng hóa Cộng Hòa:

- Giá tiêu thụ nước sạch bình quân (chưa tính khấu hao tài sản hình thành từ nguồn vốn ngân sách nhà nước): 9.076 đồng/m³.

- Mức giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt của hộ dân cư (giá lũy tiến):

Sản lượng nước sử dụng (hộ/tháng)	Mức giá (đồng/m ³)
Mức 10m ³ đầu tiên	7.260
Từ trên 10m ³ đến 20m ³	9.070
Từ trên 20m ³ đến 30m ³	10.880
Từ trên 30m ³	12.250

2. Hợp tác xã cổ phần nước sạch và vệ sinh môi trường Kim Tân:

- Giá tiêu thụ nước sạch bình quân (chưa tính khấu hao tài sản hình thành từ nguồn vốn ngân sách nhà nước): 9.278 đồng/m³.

- Mức giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt của hộ dân cư (giá lũy tiến):

Sản lượng nước sử dụng (hộ/tháng)	Mức giá (đồng/m ³)
Mức 10m ³ đầu tiên	7.420
Từ trên 10m ³ đến 20m ³	9.270
Từ trên 20m ³ đến 30m ³	11.130
Từ trên 30m ³	12.430

3. Công ty cổ phần nước sạch Lai Vu:

- Giá tiêu thụ nước sạch bình quân (tính cả khấu hao tài sản hình thành từ nguồn vốn ngân sách nhà nước): 9.044 đồng/m³.

- Mức giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt của hộ dân cư (giá lũy tiến):

Sản lượng nước sử dụng (hộ/tháng)	Mức giá (đồng/m ³)
Mức 10m ³ đầu tiên	7.230
Từ trên 10m ³ đến 20m ³	9.040
Từ trên 20m ³ đến 30m ³	10.850
Từ trên 30m ³	12.200

4. Hợp tác xã nước sạch Thượng Vũ:

- Giá tiêu thụ nước sạch bình quân (chưa tính khấu hao tài sản hình thành từ nguồn vốn ngân sách nhà nước): 8.225đồng/m³.

- Mức giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt của hộ dân cư (giá lũy tiến):

Sản lượng nước sử dụng (hộ/tháng)	Mức giá (đồng/m ³)
Mức 10m ³ đầu tiên	6.580
Từ trên 10m ³ đến 20m ³	8.220
Từ trên 20m ³ đến 30m ³	9.870
Từ trên 30m ³	11.100

5. Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại nước sạch Trường Giang:

- Giá tiêu thụ nước sạch bình quân: 9.636đồng/m³.

- Mức giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt của hộ dân cư (giá lũy tiến):

Sản lượng nước sử dụng (hộ/tháng)	Mức giá (đồng/m ³)
Mức 10m ³ đầu tiên	7.700
Từ trên 10m ³ đến 20m ³	9.630
Từ trên 20m ³ đến 30m ³	11.560
Từ trên 30m ³	12.500

Điều 2. Giá tiêu thụ nước sạch quy định tại Điều 1 nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, các loại phí, giá dịch vụ thoát nước, tiền dịch vụ môi trường rừng.

Thời gian thực hiện: Áp dụng cho sản lượng nước tiêu thụ kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2019.

Chất lượng nước cung cấp phải đạt tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sinh hoạt theo quy định của Bộ Y tế.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2019.

Hợp tác xã dịch vụ sửa chữa và vận tải hàng hóa Cộng Hòa, Hợp tác xã cổ phần nước sạch và vệ sinh môi trường Kim Tân, Công ty cổ phần nước sạch Lai Vu, Hợp tác xã nước sạch Thượng Vũ, Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại nước sạch Trường Giang có trách nhiệm thực hiện giá tiêu thụ nước sạch quy định tại Điều 1 theo đúng quy định hiện hành.

Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị, cá nhân có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kim Thành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã: Cộng Hòa, Kim Tân, Thượng Vũ, Lai Vu, Tam Kỳ; Chủ nhiệm Hợp tác xã dịch vụ sửa chữa và vận tải hàng hóa Cộng Hòa, Chủ tịch Hội đồng quản trị Hợp tác xã cổ phần nước sạch và vệ sinh môi trường Kim Tân, Giám đốc Công ty cổ phần nước sạch Lai Vu, Chủ nhiệm Hợp tác xã nước sạch Thượng Vũ, Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại nước sạch Trường Giang căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VB);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Trưởng ban KT-NS HĐND tỉnh;
- Như điều 4;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VP, Thư (50b) &

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Dương Thái

